

Bản án số: 298/2024/DS-PT

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Nữ Phà Ca

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Đặng Thị Ánh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh V; Địa chỉ: Số B, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Thanh V:*

1. Anh Hồ Tấn D; Địa chỉ: Số A đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2023).

2. Ông Vũ Quý T; Địa chỉ: Số C C, khu phố B, V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/5/2023).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Quý T:* Chị Trần Thanh T1; Địa chỉ liên hệ: Số C đường số F, phường C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2024).

- *Bị đơn:* Anh Hồ Nhựt T2; Địa chỉ: Số A, Khóm C, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Hồ Nhựt T2:*

1. Chị Lê Thị Hồng T3; Địa chỉ: Số H chung cư O, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023).

2. Ông Lê Hồng P; Địa chỉ: Tầng E số A đường P, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Kiều N; Địa chỉ: Số B khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N:* Ông Trần Hoàng T4 - Văn phòng Luật sư Trần Bá T5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Hữu P1; Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Hồ Nhựt T2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện 13/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/5/2022 anh Phạm Thanh V có cho anh Hồ Nhựt T2 vay 6.000.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền và được Phòng C, tỉnh Vĩnh Long công chứng, thời gian vay 30 ngày, hợp đồng vay không tính lãi suất, mục đích vay để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh T2 đã nhận đủ tiền sau khi ký hợp đồng tại Phòng C.

Ngày 14/10/2022 anh V tiếp tục cho anh T2 vay 5.000.000.000 đồng, hai bên có ký giấy vay tiền, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất không tính, mục đích vay để đảo hạn nợ ngân hàng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Hết thời hạn vay nhưng anh T2 không trả tiền nên anh V khởi kiện yêu cầu anh T2 phải trả 6.000.000.000 đồng tiền vay ngày 24/5/2022 và tiền lãi tạm tính từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2022 với lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền 298.800.000 đồng và trả 5.000.000.000 đồng tiền vay ngày 14/10/2022 và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/10/2022 đến ngày 29/12/2022 với lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền 83.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn là 11.000.000.000 đồng và lãi 381.800.000 đồng, yêu cầu anh T2 phải trả lãi cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc theo lãi suất 0,83%/tháng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn trình bày:*

Đối với khoản nợ 6.000.000.000 đồng ngày 24/5/2022: Ngày 22/3/2022 bà Huỳnh Thị Kiều N đặt cọc mua đất của bà Lê Thị B thửa đất số 94, tờ bản đồ 49, diện tích 1613,2m<sup>2</sup> tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó bà N chuyển nhượng đất lại cho anh T2 với giá 13.000.000.000 đồng. Ngày 24/5/2022 anh T2 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lê Thị B tại Phòng C. Do anh T2 còn thiếu tiền mua đất của bà N nên bà N có thỏa thuận với anh T2 là anh T2 làm hợp đồng vay anh V 6.000.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận với bà N nên anh T2 đồng ý làm hợp đồng vay nợ anh V 6.000.000.000 đồng chứ thật sự không có nhận tiền.

Anh T2 xác định có nợ bà Huỳnh Thị Kiều N 6.000.000.000 đồng nhưng làm giấy nợ cho anh V.

Đối với khoản nợ 5.000.000.000 đồng ngày 14/10/2022: Khi ký kết vay số tiền 6.000.000.000 đồng ngày 24/5/2022 hai bên ghi nhận trong hợp đồng là không lãi suất, nhưng anh V tính lãi 0,6%/ngày (1.000.000 đồng ngày 6.000 đồng tiền lãi) tức 18%/tháng. Ngày 14/10/2022 anh V và anh Nguyễn Ngọc H đến gặp anh T2 tại trụ sở Công ty TNHH MTV T8 tại số C khóm T, phường T, thành phố V để yêu cầu ký giấy vay tiền do phát sinh số tiền lãi 18%/tháng của số tiền 6.000.000.000 đồng ngày 24/5/2022. Giấy vay tiền được đánh máy trước nhưng phần số tiền để trống, phía anh V yêu cầu anh T2 phải ghi đã nhận đủ tiền, nhưng thực tế anh T2 không có nhận tiền.

Anh T2 không có vay tiền từ anh V nên anh T2 không đồng ý trả cho anh V 11.000.000.000 đồng và tiền lãi 381.800.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kiều N trình bày:*

Bà N và anh Phạm Thanh V có mối quan hệ làm ăn với nhau, trước đây Nguyễn Ngọc H và Phạm Thanh V có đặt cọc mua đất của bà Lê Thị B thửa đất số 94, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.613,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nhưng không có khả năng thanh toán nên bà N đứng ra mua phần đất này của H và V và tiếp tục sử dụng hợp đồng của H và V để H và V không mất tiền cọc.

Ngày 24/5/2022, bà N chuyển nhượng thửa đất mua của bà Lê Thị B cho anh Hồ Nhật T2 với giá 13.000.000.000 đồng thì H và V xuống nhận lại tiền cọc là 500.000.000 đồng. Lúc này anh V biết bán đất cho anh T2 lời 6.000.000.000 đồng, số tiền này 6.000.000.000 đồng anh T2 chưa thanh toán cho bà N. Do cần tiền để thanh toán cho bà B nên bà N có vay của anh V 2.600.000.000 đồng để trả cho bà B. Số tiền này bà N đã trả lại cho anh V xong.

Anh V thấy bà N phải vay tiền của anh để trả cho bà B nên anh V đề nghị với anh T2 là số tiền 6.000.000.000 đồng anh T2 thiếu bà N thì anh T2 làm giấy vay từ anh V và anh V nói với bà N là sẽ đòi giúp bà N số tiền anh T2 còn thiếu.

Bà N khẳng định số tiền 6.000.000.000 đồng anh T2 làm hợp đồng vay anh V ngày 24/5/2022 là tiền anh T2 thiếu bà N. Bà N yêu cầu anh T2 phải trả cho bà N 6.000.000.000 đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 800/2024/QĐ-SCBSBA ngày 03/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án và danh mục ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Hồ Nhật T2 trả cho anh Phạm Thanh V số tiền 11.000.000.000

đồng tiền nợ gốc và 2.045.950.000 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng 13.045.950.000 đồng (Mười ba tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kiều N đòi anh Hồ Nhựt Thông S tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, bị đơn anh Hồ Nhựt T2 có đơn kháng cáo với nội dung: Anh Hồ Nhựt T2 đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố V theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh V và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Kiều N.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N có đơn kháng cáo với nội dung: Bà Huỳnh Thị Kiều N đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố V theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp bị đơn có bà T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý bản án sơ thẩm. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V. Biên nhận vay ngày 24/5/2022 do anh T2 nhằm lẫn chủ thể vì nghĩ thỏa thuận vay của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị chấp nhận kháng cáo bà N, công nhận số tiền T2 viết biên nhận nợ V 6.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/5/2022 là tiền T2 nợ bà N chứ không có nợ V. Do đó, bà N yêu cầu T2 trả cho bà số tiền nợ 6.000.000.000 đồng và yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành

phố V.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có anh D, anh T và người đại diện theo ủy quyền của anh T không đồng ý với các yêu cầu kháng cáo của anh T2, bà N. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Biên nhận vay ngày 24/5/2022 giữa V, T2 đối với số tiền 6.000.000.000 đồng là không có thật. Số tiền trên do T2 nhận chuyển nhượng lại thửa đất đất 94 do bà N nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị B. Do đó, T2 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà N. Anh V khởi kiện anh T2 cho rằng ngày 24/5/2022 cho anh T2 vay số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng anh V không chứng minh được anh có giao số tiền trên cho anh T2. Theo anh T2 thừa nhận có nợ bà N 6.000.000.000 đồng tiền nhận nhượng lại thửa đất 94 và đồng ý trả. Như vậy, trong trường hợp không có căn cứ chấp nhận yêu cầu anh T2 về số tiền nợ anh V 6.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/5/2022 có liên quan với số tiền anh T2 nợ bà N khi nhận chuyển nhượng lại thửa đất 94 thì cần dành cho bà N khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu anh T2 trả lại số tiền 6.000.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Hồ Nhật T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn anh Hồ Nhật T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N phải chịu án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp anh T2 là bà T3 khiếu nại về thủ tục triệu tập phiên tòa lần thứ nhất ngày 20/11/2024 đối với người đại diện hợp pháp thứ nhất của anh T2 là ông Lê Hồng P. Lý do: Giấy triệu tập Tòa án ghi không đúng giới tính của ông Lê Hồng P và ghi không đúng tư cách tham gia tố tụng của ông P là thể hiện thẩm phán chủ tọa phiên tòa không vô tư khách quan khi làm nhiệm vụ, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do đó, đề nghị thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Căn cứ tại giấy ủy quyền ngày 16/6/2023 thể hiện anh Hồ Nhật T2 ủy quyền cho bà Lê Thị Hồng T3 và bà Lê Hồng P tham gia tố tụng với tư cách người đại diện hợp pháp cho anh T2 tham gia tố tụng đến khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án căn cứ giấy ủy quyền do đương sự tự xác định để gửi giấy triệu tập cho đương sự và việc giấy triệu tập ghi không đúng tư cách tham gia tố tụng của ông P tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 20/11/2024 là do sơ xuất trong rà soát văn bản nên thuộc trường hợp tổng đạt văn bản tố tụng không hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa xét xử ngày 20/11/2024 và Tòa án ấn định lại phiên xử ngày 03/12/2024. Bà T3 cho rằng việc ghi không đúng giới tính, tư cách tố tụng của ông Lê Hồng P tại giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 20/11/2024 của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là thuộc trường hợp không vô tư khách quan và đã ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự nhưng đương sự không nêu được căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ Điều 52, Điều 53, Điều 240 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của bà T3.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp thứ hai của anh T2 là ông Lê Hồng P vắng mặt nhưng anh T2 có người đại diện thứ nhất là bà T3 tham dự phiên tòa và bà T3 đồng ý xét xử vắng mặt ông P. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông P.

[2] Xét kháng cáo anh T2 đối với số tiền vay 6.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 24/5/2022: Anh T2 cho rằng do anh T2 còn thiếu tiền mua

đất của bà N nên bà N có thỏa thuận với anh T2 là anh T2 làm hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2022 với anh V số tiền ghi 6.000.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận với bà N nên anh T2 đồng ý làm hợp đồng vay nợ anh V 6.000.000.000 đồng chứ thật sự không có nhận tiền. Anh T2 kháng cáo không đồng ý trả số tiền 6.000.000.000 đồng cho anh V theo biên nhận ngày 24/5/2022 và đồng ý trả tiền nợ nhận chuyển nhượng đất cho bà N số tiền 6.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh V không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T2 và không thừa nhận số tiền anh T2 vay của anh V 6.000.000.000 đồng có liên quan đến việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa bà N với anh T2.

Xét số tiền anh T2 vay anh V 6.000.000.000 đồng hai bên có lập hợp đồng vay ngày 24/5/2022 và được công chứng tại Phòng C tỉnh Vĩnh Long. Anh T2 thừa nhận chữ ký tại hợp đồng vay ngày 24/5/2022 là của anh T2. Tại phiên tòa, bà T3 là người đại diện hợp pháp anh T2 cho rằng khi ký hợp đồng vay trên anh T2 bị nhầm lẫn đối tượng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, bà N cho rằng số tiền 6.000.000.000 đồng do T2 nợ tiền nhận chuyển nhượng thửa đất 94 của bà Lê Thị B nhưng bà thỏa thuận với T2 để T2 lập biên nhận nợ cho V nhưng việc thỏa thuận trên không lập văn bản và không cung cấp được chứng cứ chứng minh và anh V không thừa nhận nội dung anh T2, bà N nài ra.

Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022 (BL 51), anh T2 thừa nhận có nợ anh V số tiền 6.000.000.000 đồng và khoản vay này không có tính lãi. Anh T2 kháng cáo cho rằng không vay tiền anh V số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng ngoài lời trình bày thì anh T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V buộc anh T2 trả số tiền 6.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/5/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo anh Thông số tiền 5.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/10/2022: Anh T2 trình bày rằng số tiền 5.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/10/2022 là lãi của số tiền vay 6.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022 (BL 52) thì số tiền 5.000.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng cũng tại Biên bản này, anh T2 khai số tiền vay 6.000.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ký 24/5/2022 hai bên không có thỏa thuận tính lãi. Xét lời khai anh T2 có sự mâu thuẫn lẫn nhau và anh T2 cũng không nêu được lý do sự mâu thuẫn trong lời khai của mình. Bên cạnh đó, tại Biên bản hoà giải ngày 03/01/2023 (BL



289), người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh T2 và anh Thông thống N1 trình bày rằng Giấy vay số tiền 5.000.000.000 đồng giữa anh V và anh T2 được ký kết tại trụ sở Công ty TNHH MTV T8 là công ty của gia đình anh T2 tại số C, khóm T, phường T, thành phố V và có sự chứng kiến của anh Lê Nhật T6 và anh Trần Nguyễn Quốc T7 cùng là nhân viên của Công ty T8. Anh T2 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh khi ký hợp đồng trên anh T2 bị tác động từ bên ngoài hoặc có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc.

Ngoài ra, anh T2 kháng cáo cho rằng biên nhận trên là tiền lãi của khoản vay 6.000.000.000 đồng ngày 24/5/2022, mức lãi 18%/tháng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh về mức lãi suất trên và số tiền lãi theo lời trình bày của anh T2 cũng không phù hợp với số tiền tại biên nhận vay ngày 14/10/2022.

Xét anh T2 kháng cáo nhưng anh T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T2. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V buộc anh T2 trả cho anh V số tiền 5.000.000.000 đồng và lãi phát sinh 2.045.950.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kiều N: Bà N cho rằng số tiền 6.000.000.000 đồng anh T2 ký hợp đồng vay tiền với anh V ngày 24/5/2022 là số tiền anh T2 thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại thửa đất 94 của bà Lê Thị B và số tiền trên anh T2 nợ bà N chứ không phải nợ V.

Bà N trình bày giữa bà N với anh V thỏa thuận để anh T2 ký nhận nợ anh V 6.000.000.000 đồng là để anh V đòi anh Thông số tiền 6.000.000.000 đồng dùm bà N và nội dung thỏa thuận trên không có lập văn bản. Anh V thì không thừa nhận nội dung nại ra trên của bà N.

Xét tại Vi bằng lập 30/12/2022 bà N cung cấp cho Tòa án sơ thẩm: Bà N nhắn: “Viết e chụp giấy Thông nợ e 3 tỷ”, “Thông ký”; anh V nhắn: “Nợ 6ty chi oi”; bà N nhắn: “Ừ sao 6 tỷ”, “Ngày T2 mượn trả tiền đất bm”; anh V trả lời: “6ty lận. Mới đúng câu chuyện” (BL 208). Việc này thể hiện rằng, bà N biết anh T2 mượn tiền anh V 6.000.000.000 đồng để mua đất. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ba bên ngày 23/6/2023 giữa anh V, anh T2 và bà N thì bà N lại trình bày rằng bà không biết việc anh T2 ghi nợ anh V 6.000.000.000 đồng. Điều này thể hiện sự mâu thuẫn trong lời khai của chính bà N.

Tại phiên tòa, bà N cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng đất ngày ngày 24/5/2022 cùng ngày anh T2 viết biên nhận nợ anh V thì giữa bà N, anh T2

không có lập văn bản thỏa thuận anh T2 nợ tiền nhận chuyển nhượng đất bà N 6.000.000.000 đồng và cũng không nêu được trở ngại khách quan anh T2 không thể ghi biên nhận nợ được với bà N. Ngoài ra, tại phiên tòa, giữa bà N với người đại diện hợp pháp của anh T2 cũng không có thỏa thuận được về số tiền 6.000.000.000 đồng mà anh T2 thừa nhận nợ với bà N.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chứng minh số tiền 6.000.000.000 đồng anh T2 vay của anh V ngày 24/5/2022 chính là số tiền anh T2 nợ tiền bà N khi nhận chuyển nhượng thửa đất 94 của bà Lê Thị B. Do đó, bà N kháng cáo yêu cầu anh T2 trả số tiền nợ 6.000.000.000 đồng khi nhận chuyển nhượng thửa đất 94 của bà Lê Thị B và biên nhận vay tiền lập ngày 24/5/2022 giữa anh V với anh Thông số tiền 6.000.000.000 đồng là do bà N nhờ anh V đòi anh T2 dùm bà N là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của anh T2, bà N về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V đối với 07 (bảy) thửa đất số 254, 218, 299, 285, 166, 165; cùng tờ bản đồ số 5 toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35 toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 295/2024/DS-PT ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều N, bị đơn anh Hồ Nhựt T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H1, Phạm Thanh V đã xử: Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/11/2022, giữa bà Huỳnh Thị Kiều N, ông Đặng Văn H1 với anh Hồ Nhựt T2 đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 254, 218, 299, 285, 166, 165; cùng tờ bản đồ số 5 toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Bà Huỳnh Thị Kiều N có nghĩa vụ kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Xét các thửa đất số 254, 218, 299, 285, 166, 165; cùng tờ bản đồ số 5 toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long không còn thuộc quyền sử dụng của anh Hồ Nhựt T2 là người có nghĩa vụ nên căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn. Do đó, chấp nhận kháng cáo anh T2, bà N hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đối với tài sản của anh Hồ Nhựt T2 gồm:

- Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 5, diện tích 391,4m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 218, tờ bản đồ số 5, diện tích 10.325,7m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 299, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.956,8m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.040m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.121,3m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.789,6m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long;

- Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 35, diện tích 846m<sup>2</sup>, địa chỉ xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Phạm Thanh V được nhận lại số tiền đã nộp bảo đảm 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất theo quy định tại sổ tiết kiệm số 0907598310 của Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh V1.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Hồ Nhật T2, bà Huỳnh Thị Kiều N mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Nhật T2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kiều N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 138, 139, 227, 235, 291 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 18 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thanh V:

Buộc anh Hồ Nhật T2 phải có trách nhiệm trả cho anh Phạm Thanh V tiền vốn là 11.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2.045.950.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 13.045.950.000 đồng (Mười ba tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kiều N về việc yêu cầu anh Hồ Nhật T2 trả số tiền nợ 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

3. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V.

4. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 494/2022/QĐ-BPKCTT ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

5. Anh Phạm Thanh V được nhận lại số tiền đã nộp bảo đảm 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và lãi suất theo quy định tại sổ tiết kiệm số 0907598310 của Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh V1.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Hồ Nhật T2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng

anh Hồ Nhật T2 đã nộp theo biên lai thu số 0007096 ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Anh T2 đã nộp xong.

Bà Huỳnh Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng bà Huỳnh Thị Kiều N đã nộp theo biên lai thu số 0007085 ngày 15/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bà N đã nộp xong.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- VKSND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 03;
- HCTP: 01;
- KTNV&THA: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Nữ Phà Ca**